TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 504/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Anh Thư

2. Ông Nguyễn Tiến Thành

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa*:** Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1768/2015/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2015 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5052/2019/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5652/2019/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thu N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thị trấn L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

Ông Đoàn Tiến D, trú tại: Đường Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 9 năm 2019).

Ông D có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 (Đã chết)

Địa chỉ: Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người thừa kế tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn B:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1958
- Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1979

- Ông Nguyễn Hoàng H1, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H, bà N1, ông H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đình H2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Đường Bến Chương Dương, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Đoàn Tiến D, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường Phan Huy Ích, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông D có mặt.

- Ông Vũ Văn V, sinh năm 1941

Địa chỉ: đường Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông V vắng mặt.

- Ông Lê Ngọc S, sinh năm 1953

Địa chỉ: Phường Trung Nhứt, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ông S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2013, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Nguyên đơn- Bà Ngô Thị Thu N- Có ông Đoàn Tiến D đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất về việc góp vốn kinh doanh nhà hàng ăn uống (Hộ kinh doanh cá thể) giữa Bà Ngô Thị Thu N, ông Nguyễn Văn B, ông Đoàn Tiến D, ông Nguyễn Đình H2 và ông Lê Ngọc S (thỏa thuận miệng), ngày 01/11/2011, ông B ký hợp đồng nhận sang nhượng quyền thuê quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và trang thiết bị phục vụ kinh doanh tại địa chỉ: Số K đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh từ ông Vũ Văn V với giá 1.415.000.000 đ (Một tỷ bốn trăm mười lăm triệu đồng), thời hạn sang nhượng thuê quyền sử dụng đất là 05 năm, kể từ ngày 01/11/2011 đến ngày 01/11/2016. Nguồn gốc quyền sử dụng đất do ông V thuê lại của chủ đất.

Theo hợp đồng này, ông V bàn giao toàn bộ tài sản trên đất cho ông B và ông B có trách nhiệm trả tiền đặt cọc thuê đất 03 tháng, tiền thuê đất trả trước 03 tháng (kể từ ngày 01/11/2011) và trả tiền thuê đất hàng tháng cho chủ đất (giá thuê 70.000.000 đồng/tháng).

Đến ngày 24/11/2011, ông B đã ký hợp đồng nhận góp vốn, hùn vốn để kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống tại địa chỉ: Số K đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với 04 người, tỷ lệ góp vốn như sau:

Tổng số vốn dự kiến góp vào: 3.000.000.000 đ (Ba tỷ đồng). Trong đó:

- Ông Nguyễn Văn B góp: 65%;
- Ông Đoàn Tiến D góp: 05%;
- Ông Nguyễn Đình H2 góp: 10%;
- Bà Ngô Thị Thu N góp: 10%;
- Ông Lê Ngọc S góp: 10%.

Theo hợp đồng góp vốn (không công chứng, chứng thực), tất cả các hạng mục đầu tư để xây dựng và hoạt động của nhà hàng đều trở thành tài sản chung của tất cả các thành viên góp vốn. Ông B được quyền đại diện đứng tên quyền sở hữu tài sản, đứng tên đăng ký kinh doanh. Không ai được phép sử dụng tài sản chung làm mục đích riêng.

Thực tế, tất cả các thành viên đã góp vốn bằng tiền mặt cho ông B ngay sau khi ông B nhận tài sản từ ông V (ngày 01/11/2011) và trước ngày 24/11/2011 để có tiền sửa chữa, mua sắm nhà hàng, trang thiết bị nhưng đến ngày 24/11/2011 thì ông B mới chính thức ký hợp đồng nhận góp vốn.

Ngày 28/11/2011, nhà hàng bắt đầu khai trương, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cũ của ông V vì ông B chưa làm xong thủ tục đăng ký kinh doanh, ông B làm Giám đốc, quản lý, điều hành mọi hoạt động của nhà hàng.

Ngày 20/01/2012, tổng số chi đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của nhà hàng vượt lên thành 3.554.000.000 đồng. Tất cả các thành viên đều thống nhất góp thêm vốn theo tỷ lệ của mỗi người trên số vốn đầu tư là 3.554.000.000 đồng. Tuy vậy, các thành viên không có văn bản thể hiện nâng vốn góp từ 3.000.000.000 đồng lên 3.554.000.000 đồng.

Đến ngày 10/02/2012, ông B làm xong thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể, lấy tên nhà hàng là: Quán ăn Gia đình Tư Ếch.

Ngày 12/6/2012, ông B tự đổi tên nhà hàng thành: Làng Nướng Miền Biển.

Ngày 18/5/2012, các thành viên góp vốn tiến hành họp. Tại cuộc họp này, theo thống kê thì tổng vốn đầu tư cơ bản, mua sắm trang thiết bị đã vượt lên thành 3.554.000.000 đồng (vượt 554.000.000 đồng so với dự kiến lần hai là 3.000.000.000 đồng). Trong đó, số tiền Bà N đã góp vốn vào nhà hàng là: 447.442.000 đồng, vượt hơn 10% vốn góp của Bà N. Hoạt động kinh doanh bị thua lỗ từ ngày khai trương đến ngày 18/5/2012 là: 1.184.518.000 đồng. Trong

số tiền thua lỗ này, nhà hàng đã thanh toán tiền cho chủ nợ cung cấp vật tư là: 543.180.000 đồng, còn nợ lại các chủ nợ là: 641.783.000 đồng. Nguồn tiền để thanh toán cho chủ nợ gồm: Tiền của cá nhân Bà N, ông B thanh toán tiền nhà tháng 3,4,5/2012, tiền cổ đông góp vốn bổ sung 240.000.000 đồng, tiền ông B vay của Bà N 303.180.000 đồng nhưng không làm giấy mượn tiền.

Tại cuộc họp, các thành viên không thống nhất được phương án cụ thể về hoạt động tiếp theo của nhà hàng, các thành viên đưa ra ba phương án giải quyết là: Tiếp tục góp thêm vốn hoặc sang nhượng lại nhà hàng hoặc cho thuê nhưng không ai chịu góp vốn bổ sung để bù lỗ. Cũng tại cuộc họp này, ông B đề nghị được ủy quyền lại cho người khác thay ông quản lý, điều hành nhà hàng.

Ngày 25/5/2012, ông B làm giấy ủy quyền cho Bà N tại Phòng Công chứng Số 6, quận Bình Thạnh, với nội dung Bà N thay cho ông B quản lý điều hành hoạt động nhà hàng.

Ngày 02/6/2012, ông B tự ý đóng cửa nhà hàng, thuê người bảo vệ mà không cho Bà N thực hiện tiếp theo nội dung đã ủy quyền.

Ngày 28/6/2012, ông B tự ý tiếp tục mở cửa nhà hàng hoạt động.

Lúc này, giữa ông B và các thành viên góp vốn tranh chấp về vốn góp, tất cả các thành viên góp vốn yêu cầu ông B trả lại vốn góp hoặc sang nhượng lại nhà hàng để chia lại vốn góp cho từng người nhưng ông B không thực hiện theo hướng nào, cố tình dây dưa nhằm làm cho vốn góp của các thành viên bị thua lỗ hết để ông B toàn quyền định đoạt nhà hàng.

Sau nhiều lần hòa giải không thành, ông B đã chấp nhận nợ tiền góp vốn của các cổ đông khác, riêng tiền góp vốn của Bà N thì ông B không chịu xác nhận nợ. Sau đó, ông B đã tự ý sang nhượng lại nhà hàng cho người khác hoạt động nhưng cũng không hoàn trả lại tiền góp vốn cho Bà N.

Khi Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án thì nhà hàng đã không còn tài sản, không còn hiện trạng. Đến nay, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, không tiến hành hòa giải thêm vì Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác để giải quyết vụ án.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ngay những vấn đề sau đây đối với Bị đơn trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp:

- Tuyên hủy hợp đồng góp vốn kinh doanh hộ cá thể giữa Bà N với ông B vì ông B đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng góp vốn.

- Buộc ông B (cụ thể là những người thừa kế của ông B là bà H, bà N1, ông H1) phải trả ngay cho Bà N số tiền đã góp vốn là 447.442.000 đ (Bốn trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Đối với số tiền Bà N bỏ ra để trả nợ cho Ngân hàng và cho ông B vay tổng cộng là 303.180.000 đồng, đã được giải quyết trong vụ án khác tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Đã có bản án sơ thẩm), Bà N xin rút lại yêu cầu này.

Di sản do ông B để lại gồm những tài sản gì, ở đâu, đã được chia hay chưa, chia cho những ai, chia như thế nào, thì Bà N không rõ. Hàng thừa kế thứ nhất của ông B chỉ có bà H, bà N1 và ông H1.

** Bị đơn- Ông Nguyễn Văn B trình bày tại các bản khai tại Tòa (tóm tắt):*

Ngày 01/11/2011, sau khi thỏa thuận với ông V, ông B mời ông D, ông H2, ông S và Bà N hùn vốn để kinh doanh nhà hàng ăn uống tại địa chỉ: Số K đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các thành viên dự kiến góp vốn 35%, ông B góp 65%.

Tất cả các thành viên thống nhất phương án sửa chữa, phương thức kinh doanh và tổ chức bộ máy, tiến hành sửa chữa mặt bằng từ ngày 01/11/2011 đến ngày 28/12/2011 hoàn tất.

Ngày 24/11/2011 ông B, ông D, ông H2, ông S và Bà N ký hợp đồng góp vốn, hùn vốn. Theo đó, ông D góp 5%, ông H2 góp 10%, ông S góp 10% và Bà N góp 10% (góp nhiều lần).

Bà N phụ trách phòng kế toán báo cáo tổng kết nghiệm thu công trình đưa vào hoạt động kinh doanh với tổng kinh phí là: 3.554.000.000 đ (Ba tỷ năm trăm năm mươi bốn triệu đồng).

Nhà hàng khai trương ngày 28/12/2011.

Theo báo cáo kết quả kinh doanh những tháng đầu khai trương bị lỗ đến ngày 30/01/2012 là 355.000.000 đồng, ông B có triệu tập các thành viên họp bàn để có phương án kinh doanh sao cho có hiệu quả và góp tiền để bù lỗ theo cổ phần nhưng không ai góp. Ông B phải đề nghị ông V giúp đỡ cho ông vay 300.000.000 đồng với lãi suất 03% tháng để trả tiền mặt bằng và tiếp tục kinh doanh.

Đến cuối tháng 4/2012 Bà N báo cáo tiếp tục bị lỗ, cụ thể:

Tháng 02/2012 lỗ: 144.558.000 đồng;

Tháng 3/2012 lỗ: 587.661.000 đồng.

Tổng cộng lỗ: 732.219.000 đ (Bảy trăm ba mươi hai triệu hai trăm mười chín nghìn đồng).

Ông B lại mời các thành viên họp nghe Bà N phụ trách phòng kế toán báo cáo, mọi người không có ý kiến và cũng không ai góp tiền để bù lỗ. Ông B tiếp tục phải vay ông V 300.000.000 đồng với lãi suất 03%/tháng để giải quyết nợ và lương nhân viên.

Ngày 01/05/2012, ông B quyết định đóng cửa tạm ngưng kinh doanh nhà hàng, tìm người sang lại nhà hàng với giá 2.500.000.000 đồng, nhưng Bà N và

các thành viên không đồng ý, chỉ đồng ý sang cho cháu Bà N với giá 3.000.000.000 đồng nhưng cuối cùng không sang được.

Ngày 18/5/2012, ông B mời các thành viên họp. Kết quả các thành viên góp vốn thống nhất buộc ông phải ra công chứng ủy quyền cho Bà N toàn quyền quản lý kinh doanh hoặc sang lại nhà hàng để bù lỗ.

Ngày 25/5/2012, ông B và Bà N đến Phòng Công chứng Số 6, Thành phố Hồ Chí Minh ký giấy ủy quyền.

Sau đó ông B đã bàn giao toàn bộ hồ sơ tài liệu, hàng hóa của nhà hàng và họp toàn bộ nhân viên thông báo kể từ ngày 25/5/2012 trở về sau, Bà N thay ông B điều hành kinh doanh. Đồng thời bàn giao cho Bà N hàng hóa tồn kho và giao cho Bà N 23.000.000 đồng.

Đến tháng 8/2012, ông B đến kiểm tra và phát hiện số tiền vốn lưu động cho Bà N kinh doanh không còn tồn quỹ và số hàng thực phẩm và rượu bia tồn trong thời điểm bàn giao cho Bà N đã bán hết, Bà N mua thực phẩm và rượu bia để kinh doanh, Bà N đều ký nợ. Nợ tiền điện, tiền nước, tiền thuê từ tháng 5 đến tháng 8/2012, tiền lương nhân viên không trả. Tổng cộng theo báo cáo của kế toán là: 700.000.000 đồng. Bà N còn lấy danh nghĩa nhà hàng nhờ ông V bảo lãnh cho bà ký tên vay của bà N1 (chủ đất) 200.000.000 đồng vào ngày 21/6/2012, đến khi trả mặt bằng, ông phải trả cho bà N1 số tiền này.

Theo báo cáo của kế toán, trong thời gian 03 tháng Bà N quản lý:

Tháng 5 + 6/2012 lỗ: 215.018.000 đồng;

Tháng 7/2012 lỗ: 160.277.000 đồng;

Tháng 8/2012 lỗ: 111.053.000 đồng.

Tổng cộng lỗ trong 3 tháng = 486.348.000 đồng + 223.000.000 đồng tiền mặt tăng vốn lưu động. Tổng cộng thất thoát: 709.348.000 đồng chưa kể số thực phẩm, rượu bia tồn trong lúc bàn giao Bà N đã bán hết.

Ông B quyết định đóng cửa nhà hàng lần 2 vào cuối tháng 8/2012 và mời các thành viên đến nhà hàng họp vào lúc 10 giờ ngày 06/9/2012 để quyết định, nhưng Bà N, ông H2 và ông D không đến, chỉ có ông S đến nên không họp được.

Tình trạng đóng cửa không thanh lý được nhà hàng, phát sinh tiền thuê mặt bằng hàng tháng và tiền thuê bảo vệ ngày đêm, tiền điện nước và thuế phải trả khoảng 100.000.000 đồng/tháng.

Lúc đầu Bà N muốn hùn 10% vốn góp vào nhà hàng nhưng không đủ tiền góp một lần, cụ thể những lần Bà N góp tiền đóng vào 10% cổ phần như sau:

Ngày 12/12/2011 góp: 30.000.000 đồng;

Ngày 13/12/2011 góp: 60.000.000 đồng;

Ngày 16/12/2011 góp: 44.000.000 đồng (01 lượng vàng SJC);

Ngày 26/12/2011 góp: 85.000.000 đồng (02 lượng vàng SJC);

Ngày 10/01/2012 góp 10 triệu (thanh toán tiền mua hàng thanh lý cho ông H2);

Ngày 16/01/2012 góp: 41.000.000 đồng (2.000 tiền CANADA);

Ngày 23/3/212 góp: 5.000.000 đồng;

Ngày 29/3/2012 góp: 5.000.000 đồng

Tổng cộng = 280.000.000 đồng (thay vì Bà N phải đóng 10% cổ phần = 355.400.000 đồng), Bà N còn nợ lại 75.400.000 đồng.

Khai trương ngày 28/12/2011 kinh doanh đến ngày 18/5/2012 lỗ 1.184.963.000 đ (Một tỷ một trăm tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Kinh doanh đến ngày 21/8/2012, theo báo cáo của kế toán nhà hàng tổng kết lỗ trong kinh doanh tổng cộng là 1.573.576.000 đồng thì tất cả các cổ đông rũ bỏ trách nhiệm không đóng góp tiền để bù lỗ trả nợ.

Ngày 10/10/2012, ông B và ông V lập biên bản hủy hợp đồng và trả lại ông V mặt bằng nhà hàng tại địa chỉ: Số K đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ theo bảng chiết tính của kế toán, sau khi trừ tiền thanh lý nhà hàng còn lỗ: 1.277.000.000 đồng. Đúng ra, mỗi thành viên góp vốn 10% phải đóng góp vào tiền lỗ là: 127.700.000 đồng nhưng không ai đóng. Riêng Bà N góp 10% cổ phần còn thiếu lại 35.400.000đ + lỗ 127.700.000 đồng, như vậy Bà N phải góp vào để thanh toán nợ nhà hàng là 163.100.000 đồng. Ông B phải trả nợ thay cho Bà N 200.000.000 đồng, tổng cộng là 363.100.000 đồng.

Ông B không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

Ngày 04/3/2018, ông B chết.

Những người thừa kế tham gia tố tụng của ông B là các ông bà: Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Tuyết N1 và Nguyễn Hoàng H1 trình bày:

Hàng thừa kế thứ nhất của ông B chỉ có bà H, bà N1 và ông H1. Ông B chết không để lại tài sản gì.

Đối với với yêu cầu của Bà N, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà N.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ông Đoàn Tiến D trình bày:*

Vụ kiện giữa Bà N và ông B, ông không có ý kiến cũng không có yêu cầu gì. Khi Nhà hàng chấm dứt hoạt động (Ngày 10/10/2012), ông B có trả cho ông tổng số tiền là 90.000.000 đ (Chín mươi triệu đồng) vào các ngày 01 và 11 tháng 12 năm 2012. Số tiền ông B trả ông là do có mối quan hệ riêng không phải là tiền góp vốn vì nhà hàng thực tế đã kinh doanh thua lỗ.

Đối với việc ông S, ông H2 có được ông B đã xác nhận nợ tiền góp vốn hay không, nợ bao nhiêu thì ông không biết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ông Nguyễn Đình H2 trình bày:*

Vì lý do công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa, ông đề nghị Tòa án cho phép ông được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, xem xét thẩm định tại chỗ, đối chất, họp, hòa giải, xét xử và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 1.

Ông H2 không có ý kiến bổ sung, cũng không có yêu cầu gì trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" giữa Bà N và ông B.

** Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ông Nguyễn Ngọc Sáu và ông Vũ Văn V:*

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nhưng ông S, ông V không có văn bản phản hồi ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Ngày 24/11/2011, Bà N, ông B, ông D, ông S và ông H2 ký hợp đồng nhận góp vốn, hùn vốn để kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống, tại địa chỉ: Số K đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không thống nhất được việc hoàn trả vốn góp nên phát sinh tranh chấp.

Ông B là Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Hoàng H1- Là những người thừa kế tham gia tố tụng của ông Nguyễn Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, bà N1, ông H1.

Ông Vũ Văn V, ông Nguyễn Ngọc Sáu được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V, ông S.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp.

Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp vốn giữa các cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về pháp luật nội dung*:

[2.1] *Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên hủy hợp đồng góp vốn kinh doanh hộ cá thể giữa Bà N với ông B và buộc ông B, cụ thể là những người thừa kế của ông B là bà H, bà N1, ông H1 phải trả ngay cho Bà N số tiền đã góp vốn là 447.442.000 đ (Bốn trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng).*

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ quy định tại Điều 4 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì việc ký hợp đồng góp vốn, hùn vốn kinh doanh nhà hàng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc thực hiện đối với các bên.

Ngay khi bắt đầu kinh doanh thì Bà N được phân công phụ trách Kế toán của nhà hàng. Từ tháng 5 đến tháng 8/2012, Bà N được ủy quyền quản lý, điều hành hoạt động nhà hàng. Bà N xác nhận đến tháng 5/2012, nhà hàng kinh doanh liên tục thua lỗ nhưng không ai góp vốn thêm. Đến tháng 8/2012, nhà hàng kinh doanh thua lỗ 1.573.576.000 đồng.

Ngày 10/10/2012, ông B và ông V lập biên bản hủy hợp đồng thuê, trả lại mặt bằng tại địa chỉ: Số K đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình

Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông V. Thời điểm này, nhà hàng còn lỗ: 1.277.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên góp vốn không có thêm bất kỳ thỏa thuận nào về nghĩa vụ trả nợ.

Bà N trình bày: Ông B đã chấp nhận nợ tiền góp vốn của các thành viên góp vốn riêng tiền góp vốn của Bà N thì ông B không xác nhận nợ. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Bà N cung cấp thì không có cơ sở xác định có việc ông B chấp nhận nợ tiền góp vốn của các thành viên góp vốn. Việc các bên tự nguyện góp vốn kinh doanh mà không có lợi nhuận, thua lỗ thì các bên phải cùng chịu.

Từ những phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc tuyên hủy hợp đồng góp vốn kinh doanh giữa Bà N với ông B và buộc ông B (cụ thể là những người thừa kế của ông B là bà H, bà N1, ông H1) phải trả số tiền 447.442.000 đ (Bốn trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

[2.2] *Về việc rút yêu cầu đối với số tiền 303.180.000 đồng Bà N trả nợ cho Ngân hàng và cho ông B vay.*

Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là tự nguyện nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do các yêu cầu của Nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 4 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9; Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Bà Ngô Thị Thu N về việc: Hủy hợp đồng góp vốn kinh doanh giữa Bà Ngô Thị Thu N với ông Nguyễn Văn B và đòi ông Nguyễn Văn B (cụ thể là những người thừa kế của ông B là bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Hoàng H1) phải trả ngay cho Bà N số tiền đã góp vốn là 447.442.000 đ (Bốn trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Bà Ngô Thị Thu N về việc đòi ông Nguyễn Văn B (cụ thể là những người thừa kế của ông B là bà Nguyễn Thị Ngọc H, bà Nguyễn Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Hoàng H1) trả số tiền 303.180.000 đ (Ba trăm lẻ ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.897.680 đ (Hai mươi mốt triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.012.440 đ (Mười bảy triệu không trăm mười hai nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2012/00074 ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.885.240 đ (Bốn triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh